

Số: 16/VBHN-VPQH

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2013

## LUẬT

### THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Luật số 47/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2005;
2. Luật số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010;
3. Luật số 39/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này quy định về thi đua, khen thưởng<sup>1</sup>.*

#### Chương 1.

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1.

Luật này quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thi đua, khen thưởng.

#### Điều 2.

Luật này áp dụng đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài.

#### Điều 3.

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thi đua* là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. *Khen thưởng* là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. *Danh hiệu thi đua* là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

#### **Điều 4.2**

Nhà nước thực hiện khen thưởng qua tổng kết thành tích các giai đoạn cách mạng, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại.

#### **Điều 5.3**

Mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

#### **Điều 6.**

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;
- c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;
- d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

#### **Điều 7.**

Danh hiệu thi đua gồm:

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân;
2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể;
3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

#### **Điều 8.**

Các hình thức khen thưởng gồm:

1. Huân chương;
2. Huy chương;
3. Danh hiệu vinh dự nhà nước;
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”;
5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu;
6. Bằng khen;
7. Giấy khen.

#### **Điều 9.**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10.**

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua:
  - a) Phong trào thi đua;
  - b) Đăng ký tham gia thi đua;
  - c) Thành tích thi đua;
  - d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.
2. Căn cứ xét khen thưởng:
  - a) Tiêu chuẩn khen thưởng;
  - b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;

c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

### **Điều 11.**

Nhà nước bảo đảm mọi quyền lợi về tinh thần và vật chất của cá nhân, tập thể được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Nhà nước dành ngân sách thích đáng cho công tác thi đua, khen thưởng; khuyến khích mọi cá nhân, tập thể người Việt Nam và nước ngoài tham gia đóng góp vào Quỹ thi đua, khen thưởng của Nhà nước.

### **Điều 12.**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Tuyên truyền, động viên các thành viên của mình và tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;
2. Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua;
3. Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng.

### **Điều 13.**

Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua, khen thưởng.

### **Điều 14.**

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi;
2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua;
3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng;
4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật;
5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

## **Chương 2.**

## **TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

### **Điều 15.**

1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:

a) Thi đua thường xuyên;

b) Thi đua theo đợt.

2. Phạm vi thi đua gồm:

a) Toàn quốc;

b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và cơ sở.

### **Điều 16.**

Nội dung tổ chức phong trào thi đua gồm:

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung thi đua;

2. Xác định chỉ tiêu, khẩu hiệu và thời hạn thi đua;

3. Xác định biện pháp tổ chức phong trào thi đua;

4. Phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua;

5. Sơ kết, tổng kết và khen thưởng thi đua.

### **Điều 17.**

Cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua có trách nhiệm:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu;

2. Tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm động viên, khích lệ mọi người tự giác, hăng hái thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, cần kiệm, sáng tạo, cống hiến sức lực, trí tuệ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, sơ kết, tổng kết công tác thi đua;

4. Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến để học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;

5. Thực hiện tốt chính sách khen thưởng nhằm động viên mọi người tích cực thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu.

### **Điều 18.**

1. Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cả nước.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; lãnh đạo ban, ngành, cơ quan, tổ chức ở trung ương phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong ngành và lĩnh vực do mình phụ trách.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.

4. Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị.

### **Điều 19.**

Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm:

1. Tham mưu, đề xuất chủ trương trong công tác thi đua.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua.

3. Hướng dẫn tổ chức thi đua và kiểm tra thực hiện.

4. Tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

### **Điều 20.**

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm:

a) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;

b) Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

c) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

d) “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:

a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;

- b) Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;
- c) “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;
- d) “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;
- đ) Danh hiệu thi đua đối với thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương là thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là “Gia đình văn hóa”.

4. Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm hoặc theo đợt.

### **Điều 21.6**

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

### **Điều 22.**

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

### **Điều 23.**

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- 1. Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;
- 2. Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

### **Điều 24.8**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.

3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

### **Điều 25.**

“Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc.

2. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

3. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

### **Điều 26.**

Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được xét tặng cho tập thể thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;

2. Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập;

3. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

## **Điều 27.**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

## **Điều 28.**

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” thì được xét tặng danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”.

## **Điều 29.**

Danh hiệu “Gia đình văn hóa” ở xã, phường, thị trấn được xét tặng cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú;
2. Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiên bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;
3. Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

### **Điều 30.**

Danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa được xét tặng cho thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;
2. Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;
3. Môi trường cảnh quan sạch đẹp;
4. Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
5. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

### **Điều 31.**

1. Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định và được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

2.[10](#) Danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân, tập thể những người đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật về giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc bộ, ngành, tổ chức quản lý nhà trường, cơ sở giáo dục quy định.

3.[11](#) Cờ thi đua cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

4.[12](#) Việc quy định các danh hiệu, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

### **Chương 3.**

## HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

### MỤC 1. HUÂN CHƯƠNG

#### **Điều 32.13**

Huân chương để tặng cho tập thể có nhiều thành tích; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công trạng, lập được thành tích hoặc có quá trình cống hiến trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể.

#### **Điều 33.**

1. Huân chương gồm:

- a) “Huân chương Sao vàng”;
- b) “Huân chương Hồ Chí Minh”;
- c) “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;
- d) “Huân chương Quân công” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;
- đ) “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;
- e) “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;
- g) “Huân chương Chiến công” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;
- h) “Huân chương Đại đoàn kết dân tộc”;
- i) “Huân chương Dũng cảm”;
- k) “Huân chương Hữu nghị”.

2. Hình thức các loại, hạng huân chương được phân biệt bằng màu sắc, số sao, số vạch trên dải và cuống huân chương.

#### **Điều 34.**

1. “Huân chương Sao vàng” là huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;

b) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

3.14 “Huân chương Sao vàng” để tặng cho tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” và 25 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

4.15 “Huân chương Sao vàng” để tặng cho Nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với đất nước Việt Nam.

### **Điều 35.**

1. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công lao to lớn, có nhiều thành tích xuất sắc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2.16 “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng nhất hoặc “Huân chương Quân công” hạng nhất và 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

3.17 Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ nhất và 15 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh thì được xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai.

### **Điều 36.18**

1. “Huân chương Độc lập” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể và lập được thành tích đặc biệt xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng nhất để tặng cho tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng nhì và 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

### **Điều 37.19**

1. “Huân chương Độc lập” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể và lập được nhiều thành tích xuất sắc có

phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng nhì để tặng cho tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Độc lập” hạng ba và 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

### **Điều 38.20**

1. “Huân chương Độc lập” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể và lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.

2. “Huân chương Độc lập” hạng ba để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhất và 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

b) Có quá trình xây dựng và phát triển từ 30 năm trở lên.

### **Điều 39.21**

1. “Huân chương Quân công” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quốc.

2. “Huân chương Quân công” hạng nhất để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đã được tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng nhì và 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

### **Điều 40.22**

1. “Huân chương Quân công” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân.

2. “Huân chương Quân công” hạng nhì để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đã được tặng thưởng “Huân chương Quân công” hạng ba và 10 năm

tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

### **Điều 41.23**

1. “Huân chương Quân công” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, lập được chiến công xuất sắc, quả cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hoặc hy sinh anh dũng, được Nhà nước ghi nhận và nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương.

2. “Huân chương Quân công” hạng ba để tặng cho tập thể trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhất và 10 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh;

b) Có quá trình xây dựng và trưởng thành từ 30 năm trở lên.

### **Điều 42.**

1. “Huân chương Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động, sáng tạo, xây dựng Tổ quốc.

2.24 “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng nhì và 5 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc; có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước; đối với công nhân, nông dân, người lao động có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương công nhận.

3.25 “Huân chương Lao động” hạng nhất để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng nhì và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

#### **Điều 43.26**

1. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Lao động” hạng ba và 5 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn thể trung ương hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn thể trung ương; có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương; đối với công nhân, nông dân, người lao động có phát minh, sáng chế, sáng kiến đã được ứng dụng thực tiễn, mang lại hiệu quả được cấp tỉnh công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng nhì để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng ba và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

#### **Điều 44.27**

1. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn thể trung ương hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có công trình khoa học, nghệ thuật, có sáng kiến được Hội đồng khoa học cấp bộ, cấp tỉnh đánh giá xuất sắc, được ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao, thiết thực; đối với công nhân, nông dân, người lao động

có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất hoặc có sáng kiến đã được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả được cấp huyện công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng ba để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn thể trung ương;

b) Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có quá trình xây dựng và phát triển từ 10 năm trở lên.

#### **Điều 45.**

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có thành tích trong huấn luyện, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

2.28 “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhì và 5 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm đặc biệt xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

3.29 “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhất để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhì và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

#### **Điều 46.30**

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng ba và 5 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp nhà nước về quốc phòng, an ninh được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhì để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân;

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng ba và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

### **Điều 47.31**

1. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có phạm vi ảnh hưởng, nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương hoặc có quá trình cống hiến lâu dài trong lực lượng vũ trang nhân dân;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất hoặc có phát minh, sáng chế, công trình khoa học, tác phẩm xuất sắc cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương về quốc phòng, an ninh được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

2. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng ba để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương;

b) Đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; có quá trình xây dựng và phát triển từ 10 năm trở lên.

#### **Điều 48.32**

1. “Huân chương Chiến công” hạng nhất để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được chiến công đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quốc.

2. “Huân chương Chiến công” hạng nhì để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân hoặc trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. “Huân chương Chiến công” hạng ba để tặng cho tập thể, tặng hoặc truy tặng cho cá nhân lập được chiến công xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, có tác dụng động viên, giáo dục, nêu gương trong toàn quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương.

#### **Điều 49.**

“Huân chương Đại đoàn kết dân tộc” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến, có công lao to lớn, thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

#### **Điều 50.**

“Huân chương Dũng cảm” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân.

#### **Điều 51.**

“Huân chương Hữu nghị” để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tập thể người nước ngoài có những đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

### **MỤC 2. HUY CHƯƠNG**

#### **Điều 52.33**

Huy chương để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có thời gian cống hiến, đóng góp

và người nước ngoài có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

### **Điều 53.**

1. Huy chương gồm:

- a) “Huy chương Quân kỳ quyết thắng”;
- b) “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”;
- c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba;
- d) “Huy chương Hữu nghị”.

2. Hình thức các loại, hạng huy chương được phân biệt bằng màu sắc, số vạch trên dải và cuống huy chương.

### **Điều 54.34**

“Huy chương Quân kỳ quyết thắng” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, có quá trình công hiến liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **Điều 55.35**

“Huy chương Vì an ninh Tổ quốc” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có quá trình công hiến liên tục từ 25 năm trở lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **Điều 56.36**

1. “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” để tặng hoặc truy tặng cho sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân, có thành tích, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần vào sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

2. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

- a) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến liên tục từ 20 năm trở lên;

b) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến liên tục từ 15 năm đến dưới 20 năm;

c) “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình công hiến liên tục từ 10 năm đến dưới 15 năm.

3. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có thời gian làm nhiệm vụ ở vùng biên, đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Chính phủ quy định.

### **Điều 57.37**

“Huy chương Hữu nghị” để tặng cho người nước ngoài có nhiều đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

## **MỤC 3. DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC**

### **Điều 58.38**

1. Danh hiệu vinh dự nhà nước để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Danh hiệu vinh dự nhà nước gồm:

a) “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng”;

b) “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”;

c) “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;

d) “Anh hùng Lao động”;

đ) “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”;

e) “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”;

g) “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;

h) “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.

### **Điều 58a.39**

Danh hiệu “Tỉnh Anh hùng”, “Thành phố Anh hùng” để tặng cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích đặc biệt xuất sắc và toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Năng động, sáng tạo, xứng đáng là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, là động lực thúc đẩy sự phát triển của khu vực và cả nước trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đoàn kết, trong sạch, vững mạnh.

4. Đã được tặng thưởng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” và danh hiệu “Anh hùng Lao động”.

### **Điều 59.**

Danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” để tặng hoặc truy tặng cho những Bà mẹ có nhiều công hiến, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

Việc xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” thực hiện theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Điều 60.40**

1. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có hành động anh hùng, dũng cảm, mưu trí, hy sinh quên mình, đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, huấn luyện, phục vụ chiến đấu, trong giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, được nêu gương trong toàn quốc;

b) Có sáng kiến, giải pháp hoặc công trình nghiên cứu có giá trị đặc biệt được ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quân sự, an ninh hoặc kinh tế - xã hội đem lại hiệu quả thiết thực trong toàn quốc;

c) Có trình độ kỹ thuật, chiến thuật giỏi, chuyên môn, nghiệp vụ thành thạo; không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; có công lớn trong việc bồi dưỡng về kỹ thuật, chiến thuật, chuyên môn, nghiệp vụ cho đồng đội;

d) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Dũng cảm, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu và huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, là ngọn cờ tiêu biểu trong phong trào thi đua, có nhiều đóng góp vào sự phát triển của ngành;

c) Dẫn đầu toàn quân, toàn lực lượng Công an nhân dân trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ huy, lập nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới phục vụ chiến đấu, huấn luyện và công tác;

d) Dẫn đầu trong việc bồi dưỡng, đào tạo về kỹ thuật, chiến thuật, về chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị cho cán bộ, chiến sỹ; quản lý tốt vũ khí và cơ sở vật chất kỹ thuật, an toàn tuyệt đối về người và tài sản;

đ) Dẫn đầu trong việc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu chấp hành kỷ luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; nêu cao tinh thần đoàn kết nội bộ, hợp tác, giúp đỡ và đoàn kết quân dân, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương, được nhân dân địa phương tin yêu, là tấm gương mẫu mực về mọi mặt; tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

3. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” 5 năm xét một lần, trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

### **Điều 61.41**

1. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có tinh thần lao động sáng tạo, đạt năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả, lập được thành tích đặc biệt xuất sắc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;

b) Đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đơn vị, địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên, được tập thể suy tôn;

c) Có nhiều thành tích trong công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, có sáng kiến, giải pháp, công trình nghiên cứu khoa học, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị đặc biệt mang lại hiệu quả cao trong phạm vi toàn quốc;

d) Có công lớn trong việc bồi dưỡng, đào tạo cho đồng nghiệp và thế hệ trẻ, trong việc hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh;

đ) Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực, vượt khó, tận tụy với công việc; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt.

2. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” để tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Là tập thể tiêu biểu dẫn đầu toàn quốc về năng suất, chất lượng, hiệu quả, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành và đất nước trong thời gian từ 10 năm trở lên;

c) Dẫn đầu toàn quốc trong việc đổi mới công nghệ, có nhiều thành tích trong việc ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, trong phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và bảo vệ môi trường sinh thái;

d) Dẫn đầu trong việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là điển hình về công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để các tập thể khác noi theo;

đ) Dẫn đầu trong việc triển khai và thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tốt quyền lợi của người lao động, quản lý tốt nguồn vốn, tài sản, bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và tài sản;

e) Tích cực tham gia các phong trào ở địa phương; là tấm gương mẫu mực về mọi mặt được nhân dân địa phương ca ngợi; tập thể đoàn kết, nhất trí; tôn trọng Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

3. Danh hiệu “Anh hùng Lao động” 5 năm xét một lần, trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

## **Điều 62.**

1.42 Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” gồm nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

2.43 Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm xuất sắc, có công lớn trong sự nghiệp giáo dục, có ảnh hưởng rộng rãi trong ngành và trong xã hội, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

3. Danh hiệu “Nhà giáo ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, thương yêu học trò, có tài năng sư phạm, có công trong sự nghiệp giáo dục, được học trò, đồng nghiệp và nhân dân kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý giáo dục thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp nuôi dạy, giảng dạy.

4.44 Danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11.

### **Điều 63.**

1.45 Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” gồm bác sĩ, dược sĩ, y sĩ, điều dưỡng viên, kỹ thuật viên, lương y, lương dược và cán bộ quản lý y tế.

2.46 Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng và có nhiều thành tích xuất sắc trong phòng bệnh, chữa bệnh, phát triển khoa học kỹ thuật về y tế, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, có ảnh hưởng rộng rãi trong nhân dân, được người bệnh và đồng nghiệp tin cậy, kính trọng;

c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 20 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 25 năm trở lên trong đó có 15 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

3. Danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với nghề, hết lòng thương yêu người bệnh, có tài năng, có nhiều thành tích xuất sắc trong nghề, được nhân dân, người bệnh và đồng nghiệp tín nhiệm;
- c) Có thời gian trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật trong ngành từ 15 năm trở lên; đối với cán bộ quản lý y tế thì phải có thời gian công tác trong ngành từ 20 năm trở lên trong đó có 10 năm trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn kỹ thuật.

4.47 Danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam 27 tháng 2.

#### **Điều 64.**

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” gồm diễn viên, đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật, chỉ huy dàn nhạc, biên đạo, quay phim, nhạc sĩ, họa sĩ, phát thanh viên hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật.

2.48 Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều công hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;
- c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 20 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 15 năm trở lên; được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước;
- d) Sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tiếp tục được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

3.49 Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ nhân dân, được đồng nghiệp và nhân dân mến mộ;
- c) Có thời gian hoạt động nghệ thuật từ 15 năm trở lên, riêng đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa từ 10 năm trở lên; được tặng nhiều giải thưởng của các liên hoan, cuộc thi, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước.

4.50 Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

#### **Điều 65.51**

1. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” để tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

2.52 Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đã được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên;
- c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.

3.53 Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên;
- c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
- d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.

4.54 Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” được xét và công bố 3 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

### **MỤC 4. “GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH”, “GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC”**

#### **Điều 66.**

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước” để tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình, tác phẩm đã được công bố, sử dụng kể từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, bao gồm:

- a) Công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, sách giáo khoa, giáo trình sử dụng trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác;

b) Tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình nghiên cứu lý luận phê bình dưới các hình thức xuất bản, kiến trúc, triển lãm, sân khấu, điện ảnh, phát thanh, truyền hình, giảng dạy, đĩa hát hoặc các hình thức khác.

2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước” cũng được tặng cho người nước ngoài có tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.

### **Điều 67.**

1. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được xét tặng cho tác giả của một hoặc nhiều tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục và văn học, nghệ thuật đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đặc biệt xuất sắc;

b) Có giá trị rất cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng;

c) Có tác dụng lớn phục vụ sự nghiệp cách mạng, có ảnh hưởng rộng lớn và lâu dài trong đời sống nhân dân, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nền kinh tế quốc dân, khoa học, công nghệ, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” được xét và công bố 5 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

### **Điều 68.**

1. “Giải thưởng nhà nước” được xét tặng cho tác giả của một hoặc nhiều công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ, giáo dục, những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về khoa học, văn học, nghệ thuật, về nội dung tư tưởng, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội theo tiêu chuẩn sau:

a) Các công trình nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ xuất sắc, có tác dụng nâng cao năng suất lao động, đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội;

b) Những sách giáo khoa, giáo trình có giá trị xuất sắc và được sử dụng rộng rãi trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

c) Các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng tốt trong việc giáo dục, xây dựng con người mới, nâng cao trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần đáng kể vào sự phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam.

2.55 “Giải thưởng nhà nước” được xét và công bố 5 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh 2 tháng 9.

## **MỤC 5. KỶ NIỆM CHƯƠNG, HUY HIỆU**

### **Điều 69.56**

Kỷ niệm chương hoặc Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tên Kỷ niệm chương, tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương, Huy hiệu do bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Kỷ niệm chương, Huy hiệu phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở Trung ương.

## **MỤC 6. BẰNG KHEN**

### **Điều 70.**

1. Bằng khen để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. Bằng khen gồm:

a) “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”;

b) Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

### **Điều 71.57**

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đoàn thể trung ương; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp huyện hoặc tương đương.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đoàn thể trung ương;
- b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;
- c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

### **Điều 72.58**

1. Bằng khen của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn thể trung ương; đối với công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;
- c) 2 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

### **Điều 73.59**

1. Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.

2. Việc khen thưởng bằng hình thức bằng khen cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an do Bộ Quốc

phòng, Bộ Công an quy định sau khi thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

3. Chính phủ quy định việc áp dụng quy định khen thưởng bằng hình thức bằng khen đối với gia đình.

## **MỤC 7. GIẤY KHEN**

### **Điều 74.**

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất.

2. 60 Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;

c) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

đ) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **Điều 75. 61**

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **Điều 76.**

1. Việc khen thưởng bằng hình thức giấy khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội do cơ quan trung ương của các tổ chức này quy định.
2. Việc khen thưởng bằng hình thức giấy khen đối với cá nhân, tập thể người đang học tập tại nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
3. Việc khen thưởng bằng hình thức giấy khen của các tổ chức khác do Chính phủ quy định.
4. 62 Chính phủ quy định việc áp dụng quy định khen thưởng bằng hình thức giấy khen đối với gia đình.

### **Chương 4.**

## **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG 63**

### **MỤC 1. THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG**

#### **Điều 77.**

Chủ tịch nước quyết định tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.

#### **Điều 78.**

Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”.

#### **Điều 79. 64**

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng bằng khen, cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể lao động

xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Thẩm quyền công nhận danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân do Chính phủ quy định.

### **Điều 80.**

1. **65** Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc bộ, ban, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và giấy khen.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa.

3. **66** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”.

4. **67** Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và giấy khen.

### **Điều 81.**

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó.

2. Đại sứ hoặc người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền trao tặng các hình thức khen thưởng của Nhà nước Việt Nam cho tập thể, cá nhân ở nước sở tại.

### **Điều 82.**

Việc tổ chức lễ trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do Chính phủ quy định.

## **MỤC 2. THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ**

### **Điều 83. **68****

1. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua hoặc trình cấp trên xét tặng danh

hiệu thi đua, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ để đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước.

Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội trình khen thưởng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước cho đại biểu Quốc hội chuyên trách ở trung ương.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở trung ương, Tổng Kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Chính phủ quyết định tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Người đứng đầu cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng của cấp mình và việc trình cấp trên khen thưởng; có trách nhiệm phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến là công nhân, nông dân, người lao động ở các thành phần kinh tế để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Cơ quan chức năng về thi đua, khen thưởng tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng.

#### **Điều 84.69**

1. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua gồm:

a) Văn bản đề nghị phong tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;

c) Biên bản bình xét thi đua;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng gồm:

a) Văn bản đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân hoặc tập thể được đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản xét khen thưởng;

d) Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ hoặc sáng tác, sáng tạo.

3. Trường hợp đề nghị tặng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức ở trung ương có liên quan hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng nhà nước” và “Giải thưởng Hồ Chí Minh”.

5. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

6. Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

#### **Điều 85.**

1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Việc khen thưởng theo thủ tục đơn giản do Chính phủ quy định.

#### **Điều 86.**

Chính phủ quy định thủ tục, quy trình, thời gian xét đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

### **Chương 5.**

## **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG<sup>70</sup>**

### **Điều 87.**

Cá nhân, tập thể được khen thưởng, tùy từng hình thức khen thưởng, được tặng hiện vật khen thưởng và được hưởng lợi ích khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 88.**

Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.

Tập thể được tặng các hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, được sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

### **Điều 89.**

Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

## **Chương 6.**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

### **Điều 90.**

Nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng bao gồm:

1. Ban hành các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng.
2. Xây dựng chính sách về thi đua, khen thưởng.
3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.
4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng.
5. Sơ kết, tổng kết, tặng thưởng các hình thức khen thưởng; đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.
6. Hợp tác quốc tế về thi đua, khen thưởng.
7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

### **Điều 91.**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước.

Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương có trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi địa phương mình theo quy định của pháp luật.

### **Điều 91a.71**

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương gồm Chủ tịch Hội đồng là Thủ tướng Chính phủ, các Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể thành viên Hội đồng.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể trung ương và các địa phương trong việc tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách về tổ chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước;

b) Tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền quyết định phong tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng;

c) Định kỳ đánh giá phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tham mưu tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan chuyên trách thi đua, khen thưởng ở trung ương là cơ quan thường trực của Hội đồng thi đua, khen thưởng trung ương.

5. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp và Hội đồng thi đua, khen thưởng tại cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về công tác thi đua, khen thưởng.

6. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng do Chính phủ quy định.

### **Điều 92.**

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý thi đua, khen thưởng trong phạm vi ngành.

### **Điều 93.**

Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội căn cứ vào quy định của Luật này và các văn bản khác có liên quan thực hiện quản lý thi đua, khen thưởng trong phạm vi tổ chức mình.

### **Điều 94.**

Quỹ thi đua, khen thưởng được hình thành trên cơ sở ngân sách nhà nước, sự đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, cá nhân, tổ chức nước ngoài và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng.

### **Điều 95.**

Chính phủ quy định mẫu, màu sắc, số sao, số vạch cho từng loại, hạng huân chương, huy chương, huy hiệu; chất liệu, kích thước, khung các loại huân chương, huy chương, cờ thi đua, bằng khen, giấy khen và các hiện vật khen thưởng khác.

## **Chương 7.**

### **XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 96.**

1. Người nào gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợi dụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 97.**

1. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà vi phạm pháp luật thì có thể bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước đó theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc tước danh hiệu vinh dự nhà nước do Chủ tịch nước quyết định.

#### **Điều 98.**

1. Cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Tổ chức có quyền khiếu nại về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Chương 8.**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH<sup>72</sup>**

#### **Điều 99.**

Nhà nước bảo hộ các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc truy tặng trước khi Luật này có hiệu lực.

#### **Điều 100.**

Cá nhân, tập thể người Việt Nam ở trong nước, ở nước ngoài nhận các hình thức khen thưởng của nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý hoặc theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

#### **Điều 101.**

1. Nhà nước tiếp tục xem xét và thực hiện việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến cho những cá nhân, gia đình, địa phương và cơ sở có công lao, thành tích.

Chính phủ hướng dẫn thể thức và thời hạn kết thúc việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến.

2. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức động viên phù hợp đối với cá nhân, tập thể để kịp thời nêu gương tốt trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định.

### **Điều 102.**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

### **Điều 103.**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này./.

## **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT CHỦ NHIỆM**

**Nguyễn Hạnh Phúc**

---

1 Luật số 47/2005/QH11 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;*

*Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003.”*

Luật số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10.”*

Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2005/QH11 và Luật số 32/2009/QH12.”*

2 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

3 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

4 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

5 Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

6 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

7 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

8 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

9 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

10 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

11 Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

12 Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

13 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

14 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

15 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

16 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

17 Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

18 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

19 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

20 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[21](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[22](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[23](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[24](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[25](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[26](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[27](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[28](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[29](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[30](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[31](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[32](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[33](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[34](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 26 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[35](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[36](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[37](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 29 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[38](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 47/2005/QH11 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2005.

[39](#) Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 47/2005/QH11 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2005.

[40](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 30 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[41](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 31 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[42](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[43](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[44](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 32 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[45](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[46](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[47](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 33 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[48](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 34 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[49](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 34 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[50](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 34 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[51](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo quy định tại Điều 3 của Luật số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Điều này được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo quy định tại khoản 35 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[52](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo quy định tại Điều 3 của Luật số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 như sau:

*“2. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:*

- a) *Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;*
- b) *Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng đặc biệt xuất sắc;*
- c) *Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;*
- d) *Được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cả nước.”*

Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo quy định tại khoản 35 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

53 Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo quy định tại Điều 3 của Luật số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 như sau:

*“3. Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:*

- a) *Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;*
- b) *Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng xuất sắc;*
- c) *Có công trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể;*
- d) *Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của địa phương.”*

Khoản này được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai theo quy định tại khoản 35 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

54 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

55 Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 36 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

56 Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 37 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[57](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 38 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[58](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 39 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[59](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[60](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 41 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[61](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 42 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[62](#) Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 43 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[63](#) Tên chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 44 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[64](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 45 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[65](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 46 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[66](#) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 46 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[67](#) Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 46 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[68](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 47 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[69](#) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 48 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[70](#) Tên chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 49 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[71](#) Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 50 Điều 1 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

[72](#) Điều 2 của Luật số 47/2005/QH11 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2005 quy định như sau:

**“Điều 2.**

*Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.”*

Điều 4 của Luật số 32/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 quy định như sau:

**“Điều 4.**

*1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.*

*2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.”*

Điều 2 của Luật số 39/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014 quy định như sau:

**“Điều 2.**

*1. Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.*

*Trước ngày 01 tháng 6 năm 2014, các cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về niên hạn để xét khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng mà chưa đủ điều kiện, tiêu chuẩn về niên hạn theo quy định của Luật này sẽ được xem xét, quyết định khen thưởng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11. Việc xem xét, quyết định khen thưởng cho các đối tượng này được thực hiện trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.*

2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.”